

Số: /KH-UBND

Hà Quảng, ngày tháng 5 năm 2022

KẾ HOẠCH
Thực hiện đảm bảo an ninh lương thực quốc gia đến năm 2030

Thực hiện Kế hoạch số 769-KH/SNN ngày 29/4/2022 của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Cao Bằng về thực hiện đảm bảo an ninh lương thực quốc gia đến năm 2030;

Ủy ban nhân dân huyện Hà Quảng xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện với những nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả, đảm bảo mục tiêu, yêu cầu tại Kế hoạch số 3591-KH/UBND ngày 20/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về thực hiện Kế hoạch số 85-KH/TU ngày 08/10/2021 của Tỉnh ủy Cao Bằng về thực hiện Kết luận số 81-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị về đảm bảo an ninh lương thực quốc gia đến năm 2030;

- Đảm bảo đáp ứng đầy đủ, kịp thời nhu cầu lương thực, thực phẩm trong mọi tình huống; nâng cao dinh dưỡng, cơ cấu thực phẩm hợp lý, khoa học, cải thiện bữa ăn của nhân dân. Xác định công tác bảo đảm an ninh lương thực là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị, là trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền và mỗi người dân trên địa bàn huyện, qua đó tạo sự đồng thuận cao trong việc thực hiện nhiệm vụ, giải pháp để đảm bảo an ninh lương thực.

2. Yêu cầu

- Tạo sự thống nhất của cấp ủy, chính quyền và nhân dân nhận thức về đảm bảo an ninh lương thực quốc gia đến năm 2030 tại Kết luận số 81-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị về đảm bảo an ninh lương thực quốc gia đến năm 2030, Kế hoạch số 769-KH/SNN ngày 29/4/2022 của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Cao Bằng về thực hiện đảm bảo an ninh lương thực quốc gia đến năm 2030 và Kế hoạch thực hiện của UBND huyện về đảm bảo an ninh lương thực quốc gia đến năm 2030.

- Các cấp, các ngành lãnh đạo, chỉ đạo đề ra nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với tình hình thực tiễn của huyện, đồng thời, tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch ở địa phương, cơ quan, đơn vị. Chú trọng công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng đến cán bộ, đảng viên, hội viên và nhân dân gắn với thường xuyên kiểm tra, giám sát, tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện Kế hoạch.

- Việc triển khai thực hiện Kế hoạch số 85-KH/TU ngày 08/10/2021 của Tỉnh ủy về bảo đảm an ninh lương thực quốc gia đến năm 2030, Kế hoạch số

769-KH/SNN ngày 29/4/2022 của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Cao Bằng về thực hiện đảm bảo an ninh lương thực quốc gia đến năm 2030 phải được tiến hành đồng bộ gắn với các nhiệm vụ chính trị được giao và nhiệm vụ giải pháp trong triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Xác định và triển khai các chương trình, nhiệm vụ, giải pháp phù hợp để thực hiện các nhiệm vụ trong việc bảo đảm bảo an ninh lương thực của huyện Hà Quảng đến năm 2030. Thực hiện mục tiêu bảo đảm đủ lương thực, thực phẩm, đáp ứng đủ dinh dưỡng cho người dân trong mọi tình huống nhằm nâng cao sức khỏe, thể trạng, trí tuệ, tầm vóc con người; đồng thời thực hiện tốt mục tiêu giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện.

- Tiếp tục thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; đẩy mạnh liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm, sản xuất an toàn; từng bước ứng dụng công nghệ cao, ứng dụng nhanh khoa học công nghệ vào sản xuất; phát huy lợi thế của từng vùng, hình thành các vùng sản xuất tập trung, hợp tác liên kết theo chuỗi giá trị; phát triển các sản phẩm đặc sản, đặc hữu, nâng cao chất lượng sản phẩm OCOP của địa phương trên địa bàn huyện.

2. Mục tiêu cụ thể

Nâng cao hiệu quả sản xuất trên đất nông nghiệp, giữ ổn định diện tích đất trồng lúa, nâng cao giá trị gia tăng trên một đơn vị diện tích. Đảm bảo an ninh lương thực phải gắn với đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm; đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng hiện đại, toàn diện, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân; giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội trong mọi tình huống. Cụ thể:

2.1. Lĩnh vực Trồng trọt

- Nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp, giữ ổn định khoảng 2.700 ha/năm đất trồng lúa (thực hiện 17/21 xã, thị trấn), năng suất bình quân chung của huyện khoảng 45 tạ/ha, sản lượng đạt khoảng 12.150 tấn/năm. Tập trung chuyển giao khoa học kỹ thuật cho các xã chuyên thâm canh lúa, bố trí cơ cấu mùa vụ sản xuất phù hợp với lợi thế của từng vùng để mở rộng phát triển một số giống lúa chất lượng cao khoảng 150 ha chiếm 5,56 %, có sức chống chịu hạn và sâu bệnh, có giá trị hàng hoá; Giá trị sản phẩm/1 ha canh tác, cây hằng năm đạt khoảng 46,7 triệu đồng/ha vào năm 2025, đạt khoảng 56 triệu đồng/ha vào năm 2030.

- Đẩy mạnh liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ, sản xuất an toàn, quy hoạch vùng sản xuất tập trung và triển khai xây dựng các mô hình ứng dụng cơ giới trong các khâu: làm đất, tưới nước... ứng dụng công nghệ cao, sản xuất theo quy trình VietGAP. Đối với các xã có diện tích trồng lớn tăng cường kêu gọi các Doanh nghiệp, HTX tham gia đầu tư, thực hiện liên kết sản xuất và tiêu thụ sản

phẩm. Tổ chức thăm quan học tập kinh nghiệm và chuyển giao công nghệ các mô hình canh tác rau màu có hiệu quả. Xây dựng HTX, Tổ hợp tác trồng rau màu an toàn; Lựa chọn một số cây mang lại hiệu quả kinh tế cao như cây Gừng, Sả, ớt, một số cây ăn quả để nhân rộng mô hình trong thời gian tới.

- Nâng cao chất lượng sản phẩm OCOP trên địa bàn huyện; Phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học để tạo ra các sản phẩm an toàn, gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ theo chuỗi giá trị.

2.2. Lĩnh vực Chăn nuôi

- Tốc độ tăng bình quân sản lượng thịt hơi xuất chuồng giai đoạn 2021-2030 đạt 2,76 - 3%/năm. Tỷ trọng ngành chăn nuôi trong cơ cấu ngành nông nghiệp đạt trên **25%** (năm 2025) và đạt **30%** (năm 2030).

- Tổng đàn vật nuôi:

+ Phát triển đàn trâu phần đầu đến năm 2025 tổng đàn có trên 13.236 con, phát triển tổng đàn trâu tăng 1,5% /năm, tập trung phát triển ở các xã, thị trấn.

+ Phát triển đàn bò: Phần đầu đến năm 2025 tổng đàn có trên 20.586 con, phát triển tổng đàn bò tăng 2%/năm, tập trung phát triển ở các xã, thị trấn.

+ Phát triển đàn lợn: Phần đầu đến năm 2025 tổng đàn lợn có trên 48.666 con, phát triển tổng đàn lợn tăng 3% /năm, trong đó đàn lợn đen đạt 20.000 con. Tập trung phát triển ở vùng cao lục khu và một số xóm vùng cao của xã vùng thấp.

+ Phát triển đàn gia cầm: Phần đầu đến năm 2025 tổng đàn có trên 289.975 con, phát triển tổng đàn gia cầm tăng 4% /năm.

- Tổng sản lượng thịt hơi các loại:

Đến năm 2025 đạt 4.167 tấn; đến năm 2030 đạt 4.743 tấn; trong đó sản lượng thịt lợn xuất chuồng đến năm 2025 đạt 3.309 tấn, năm 2030 đạt 3.800 tấn.

- Phát triển chăn nuôi theo hướng trang trại, gia trại, hình thành các tổ hợp tác, hợp tác xã chăn nuôi theo hướng đảm bảo an toàn dịch bệnh, thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh hiệu quả, chăn nuôi bền vững. Phần đầu đến năm 2030 chăn nuôi trang trại có trên 4 cơ sở. Trong đó cơ cấu đàn lợn 35%, đàn trâu, bò 45%, đàn gia cầm 20%. Đẩy mạnh tăng năng suất, chất lượng bằng việc sử dụng những giống lai có năng suất, chất lượng cao; bảo tồn, phát triển giống vật nuôi bản địa có giá trị kinh tế cao, chất lượng tốt; tập trung tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm trong và ngoài tỉnh.

- Tổ chức, quản lý cơ sở giết mổ, từng bước di rời và xóa bỏ các điểm giết mổ nhỏ lẻ gây ô nhiễm môi trường trong khu vực đông dân, hình thành các điểm giết mổ tập trung đảm bảo đạt tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm đúng quy định. Đến năm 2030 trên địa bàn huyện có 01 cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung đảm bảo vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm. Các chất thải của cơ sở giết mổ phải được xử lý đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường trước khi thải ra môi trường.

- Tăng cường sử dụng thức ăn công nghiệp và kết hợp với thức ăn thô xanh trong chăn nuôi gia súc, gia cầm; đồng thời ứng dụng công nghệ cao trong chăn nuôi nhằm nâng cao năng suất, chất lượng.

- Tỷ lệ các hộ chăn nuôi áp dụng các biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học, chăn nuôi theo quy trình VietGAP.. đến năm 2025 có trên 20% hộ chăn nuôi áp dụng, đến năm 2030 có trên 40% hộ chăn nuôi áp dụng.

III. NỘI DUNG, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Công tác xây dựng quy hoạch và phát triển sản xuất nông nghiệp để đảm bảo an ninh lương thực quốc gia

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và tình hình thực tế của huyện, các ban, ngành, đoàn thể và UBND các xã, thị trấn có kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện, trong đó, tập trung vào các nội dung, giải pháp sau:

(Chi tiết tại biểu phụ lục kèm theo)

1.1. Đối với sản xuất trồng trọt

- Nâng cao hiệu quả sử dụng đất sản xuất nông nghiệp, phân đầu duy trì tổng diện tích gieo trồng cây lương thực có hạt hàng năm đạt khoảng 8.670ha, đảm bảo an ninh lương thực ở địa phương trong mọi tình huống. Trong đó:

- Lúa: Giữ ổn định diện tích gieo trồng khoảng 2.700 ha/năm, năng suất đạt khoảng 45 tạ/ha, sản lượng đạt 12.150 tấn; Đẩy mạnh sản xuất thâm canh lúa, quy hoạch vùng sản xuất hàng hóa có hiệu quả đảm bảo đủ sản lượng lương thực phục vụ cho người dân trong huyện.

- Ngô: Phát triển cây ngô theo hướng tăng cường ứng dụng khoa học kỹ thuật về giống, chăm sóc nhằm nâng cao năng suất, chất lượng cây trồng, duy trì diện tích gieo trồng khoảng 5.970 ha, năng suất đạt 33,2tạ/ha, sản lượng đạt 19.820 tấn.

- Rau màu: phân đầu mở rộng diện tích trồng rau màu đến năm 2025 diện tích trồng rau khoảng 105ha, năng suất khoảng 55 tạ/ha, sản lượng 577 tấn. Đến năm 2030 khoảng 130ha, năng suất khoảng 60 tạ/ha, sản lượng 780 tấn. Sản xuất rau theo các quy trình sản xuất an toàn.

1.2. Đối với phát triển chăn nuôi

- Chăn nuôi lợn: Phát triển chăn nuôi lợn theo hướng trang trại với các giống lợn ngoại có năng suất, chất lượng cao ở những nơi có điều kiện về đất đai; đồng thời từng bước phát triển chăn nuôi lợn theo hướng hữu cơ, truyền thống đối với các giống lợn bản địa, lợn lai giữa giống lợn ngoại với giống bản địa. Đến năm 2030 tổng đàn lợn đạt 55.950 con, sản lượng thịt hơi xuất chuồng 3.800 tấn.

- Chăn nuôi trâu, bò: Đẩy mạnh phát triển đàn bò cả về số lượng và chất lượng theo hướng Zebu hóa và bò lai hướng thịt chất lượng cao; phát triển chăn nuôi trâu, bò thịt thâm canh ở những vùng có lợi thế. Chuyển đổi một số diện

tích đất trồng cây hàng năm kém hiệu quả sang trồng cỏ, kết hợp sử dụng các loại phụ phẩm trồng trọt làm thức ăn chăn nuôi trâu bò. Đến năm 2030 tổng đàn bò đạt 22.600 con, sản lượng thịt hơi xuất chuồng 570 tấn. Duy trì ổn định đàn trâu với số lượng 14.200con, sản lượng thịt hơi xuất chuồng 364 tấn.

- Chăn nuôi gia cầm: Phát triển chăn nuôi gia cầm cả về số lượng và chất lượng, tăng tỷ trọng đàn gia cầm trong cơ cấu vật nuôi. Chú trọng phát triển chăn nuôi gà thả vườn theo mô hình kết hợp trồng cây lâm nghiệp, cây ăn quả để nâng cao chất lượng và hiệu quả sản xuất. Đến năm 2030 tổng đàn gia cầm đạt 349.900 con. sản lượng thịt hơi xuất chuồng 350 tấn, sản lượng trứng các loại 3.000 nghìn quả.

2. Công tác quản lý Nhà nước và chỉ đạo sản xuất

2.1. Về giống cây trồng, vật nuôi

- Tăng cường công tác tuyên truyền các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý giống cây trồng nông nghiệp và vật nuôi để giúp các tổ chức, cá nhân hiểu đúng và thực hiện đầy đủ các quy định của nhà nước về giống cây trồng, vật nuôi.

- Giống cây trồng, vật nuôi đưa vào sản xuất phải đảm bảo chất lượng, rõ nguồn gốc, theo đúng quy định của pháp luật. Đối với giống vật nuôi khuyến khích sử dụng các giống ngoại, giống lai có năng suất, chất lượng cao đã được phép sản xuất, kinh doanh. Đối với giống cây trồng sử dụng các giống cây trồng đã được thử nghiệm từ 2 vụ trở lên, phù hợp với điều kiện của địa phương, những giống có cùng thời gian sinh trưởng và đặc điểm sinh học giống nhau cần bố trí trồng tập trung để thuận lợi cho chăm sóc và thu hoạch. Không bố trí nhiều giống trên một cánh đồng; khuyến khích sử dụng các giống cây trồng có năng suất, chất lượng tốt, có khả năng chống chịu sâu bệnh, phù hợp với khả năng đầu tư, thâm canh của địa phương.

- Thường xuyên cập nhật và công khai các tổ chức, cá nhân đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh giống cây trồng, vật nuôi trên địa bàn huyện; đồng thời tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát, ngăn chặn hoạt động sản xuất, buôn bán giống cây trồng, vật nuôi kém chất lượng, không có nguồn gốc xuất xứ; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo quy định.

2.2. Về thời vụ

Chỉ đạo, hướng dẫn nông dân gieo trồng đảm bảo theo khung thời vụ đối với từng loại cây trồng, thực hiện tốt các biện pháp kỹ thuật từ khâu gieo trồng đến chăm sóc, thu hoạch.

2.3. Về vật tư sản xuất

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, quản lý vật tư nông nghiệp (giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y), xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm để đảm bảo an toàn trong sản xuất.

2.4. Về bảo vệ thực vật

Thực hiện tốt công tác dự tính, dự báo tình hình phát sinh, gây hại của các đối tượng sinh vật gây hại trên cây trồng và hướng dẫn các biện pháp phòng trừ kịp thời, an toàn hiệu quả.

2.5. Về thức ăn chăn nuôi

Khuyến khích người chăn nuôi áp dụng công nghệ vi sinh trong phối trộn, sử dụng thức ăn đối với quy mô nhỏ. Mở rộng diện tích cỏ trồng tập trung tại các xã phát triển chăn nuôi trâu, bò để đảm bảo lượng thức ăn thô xanh cho vật nuôi.

2.6. Về công tác phòng, chống dịch bệnh

Tăng cường kiểm soát dịch bệnh trên gia súc, gia cầm như bệnh Dịch tả lợn Châu phi, bệnh viêm da nổi cục trên trâu bò, bệnh cúm gia cầm, không để dịch bệnh lây lan ra diện rộng. Thực hiện tốt công tác kiểm dịch động vật, kiểm soát giết mổ, duy trì thường xuyên công tác vệ sinh tiêu độc khử trùng chuồng trại, đặc biệt chú trọng công tác tiêm phòng đạt tỷ lệ cao.

3. Đẩy mạnh phát triển, cơ cấu lại sản xuất lương thực, thực phẩm gắn với thị trường

- Cơ cấu lại trồng trọt theo hướng sản xuất tập trung, quy mô vừa, trên cơ sở phát huy lợi thế vùng miền. Xây dựng các vùng trọng điểm, chuyên canh sản xuất tập trung lương thực, thực phẩm chất lượng cao như: lúa đặc sản ở một số xã có tiềm năng như lúa Nhật, Gạo nếp Pi Pát, lúa Đoàn kết (xã Càn Yên, Lương Thông, Đa Thông, Ngọc Đào, Thị trấn Xuân Hòa, Trường Hà); cây Lạc đỏ, Lạc L14, Gừng hữu cơ ở các xã vùng cao. Quy hoạch vùng sản xuất an toàn gắn với xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu và liên kết trong sản xuất và tiêu thụ.

- Xây dựng các vùng, trang trại chăn nuôi trâu, bò, lợn tập trung, áp dụng công nghệ cao, an toàn sinh học, đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm. Chú trọng cải tạo chất lượng đàn lợn đen, giống lợn bản địa tại các xã vùng cao của huyện, phát triển chăn nuôi đàn trâu, bò.

- Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ: phát triển vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, quy trình kỹ thuật tiên tiến, an toàn được chứng nhận VietGAP, hữu cơ ..., quy trình quản lý dịch hại tổng hợp IPM gắn với bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị thích ứng với biến đổi khí hậu, truy xuất nguồn gốc, đáp ứng nhu cầu thị trường; Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nông dân áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, cơ giới hóa vào sản xuất, thu hoạch, bảo quản và chế biến.

- Đẩy mạnh hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản, phát triển các sản phẩm gắn với chương trình OCOP, tăng cường liên kết sản xuất, đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm, trọng tâm là các sản phẩm nông sản, sản phẩm chủ lực của huyện.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn

- Phối hợp với các cơ quan đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch sản xuất hàng hóa trên địa bàn huyện đối với những cây trồng, vật nuôi, ngành nghề

truyền thống có lợi thế, giá trị kinh tế, có sức cạnh tranh cao và đáp ứng yêu cầu thị trường. Kêu gọi các Doanh nghiệp, Hợp tác xã đầu tư, kiên kết sản xuất cây trồng, vật nuôi, tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị.

- Chịu trách nhiệm tổ chức, đôn đốc các xã, thị trấn triển khai thực hiện các nội dung theo kế hoạch. Làm đầu mối theo dõi, tổng hợp quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch này.

- Theo dõi, tổng hợp kết quả thực hiện, đề xuất giải pháp tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc; định kỳ hàng năm hoặc đột xuất tham mưu cho UBND huyện theo quy định.

2. Trung tâm dịch vụ nông nghiệp

- Tổ chức tuyên truyền, tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật, các mô hình sản xuất theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

- Hướng dẫn người dân quy trình kỹ thuật chăm sóc các cây trồng, vật nuôi; xây dựng các mô hình phát triển chăn nuôi, sản xuất nông nghiệp, các sản phẩm chủ lực, tổng kết nhân rộng mô hình.

3. Các đoàn thể chính trị xã hội của huyện

Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến Kế hoạch này và chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về đảm bảo an ninh lương thực đạt hiệu quả.

4. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn

- Căn cứ nội dung Kế hoạch này, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện cụ thể tại địa phương và lựa chọn cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với địa phương để đưa vào sản xuất đạt hiệu quả.

- Tổ chức rà soát, tổng hợp diện tích đất trồng cây kém hiệu quả để đề xuất chuyển đổi cơ cấu cây trồng nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế.

- Định kỳ hàng quý, hàng năm hoặc đột xuất, báo cáo tình hình, kết quả thực hiện kế hoạch về UBND huyện (qua Phòng Nông nghiệp và PTNT) để tổng hợp, báo cáo Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND tỉnh theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch đảm bảo an ninh lương thực quốc gia đến năm 2030 của UBND huyện, yêu cầu các cơ quan, Ban, ngành, UBND các xã, thị trấn nghiêm túc tổ chức triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Các cơ quan, Ban, ngành, đoàn thể huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, NN (Nhạn, Nga, Bắc).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Triệu Đình Dũng

